TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Cẩm Tú
Ông Nguyễn Chí Lin
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1987.
- *Bị đơn:* Anh Ngô Thành T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp H 1, xã H, huyện Đ, tỉnh L.
(Chị N có mặt, anh T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị và anh Ngô Thành T có tìm hiểu nhau, sau đó kết hôn với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào năm 2005. Thời gian đầu chị và anh T chung sống có hạnh phúc nhưng từ năm 2007 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không còn hòa hợp, thường xuyên cải vã nhau nên chị ly thân với anh T từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con tên Ngô Trí T, sinh ngày 17/02/2005 và Ngô Trọng T, sinh ngày 25/12/2005 hiện nay do chị đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị xin ly hôn với anh Ngô Thành T. Khi ly

hôn chị xin nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Ngô Thành T là bị đơn trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, nguyên nhân xa nhau, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời chị N trình bày là đúng. Do vợ chồng đã ly thân nhau mà không thể hàn gắn tình cảm được nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Khi ly hôn việc nuôi con chung sẽ theo nguyện vọng của các con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, đồng thời anh xin xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 30/5/2019 và ngày 07/6/2019, con chung của chị N và anh T tên Ngô Trí T và Ngô Trọng T đều có nguyện vọng sống với chị N khi chị N và anh T ly hôn với nhau.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Cẩm N xin ly hôn với anh Ngô Thành T là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Anh Ngô Thành T là bị đơn có địa chỉ thường trú tại ấp H 1, xã H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Anh Ngô Thành T có đề nghị xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Ngô Thành T chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào ăm 2005 nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Chị Nguyễn Thị Cẩm N cho rằng nguyên nhân chị xin ly hôn với anh T là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không còn hòa hợp, thường xuyên cải vã. Đồng thời chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay mà không hàn gắn tình cảm lại được nên tình cảm của chị đối với anh T không còn nữa.

2.3. Đối với anh Ngô Thành T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày xác định tình cảm vợ chồng của anh và chị N đã rạn nứt từ lâu, không còn khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Mặc dù chị N và anh T thỏa thuận ly hôn nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận thuận

tình ly hôn mà xét xử cho chị N và anh T ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để đảm bảo quyền kháng cáo của anh T.

2.4. Về con chung: Chị N và anh T chung sống có 02 con chung tên tên Ngô Trí T, sinh ngày 17/02/2005 và Ngô Trọng T, sinh ngày 25/12/2005. Khi ly hôn chị N xin tiếp tục được nuôi các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh T xin vắng mặt nhưng anh có lời trình bày về việc nuôi hai con chung sẽ theo nguyện vọng của các con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy con chung tên là Ngô Trí T và Ngô Trọng T đều có nguyện vọng sống với chị N khi chị N và anh T ly hôn với nhau. Mặt khác, từ khi chị N và anh T ly thân nhau cho đến nay các con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho các con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Ngô Trí T và Ngô Trọng T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đề trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N về việc xin ly hôn với anh Ngô Thành T. Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Ngô Thành T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi con chung tên Ngô Trí T, sinh ngày 17/02/2005 và Ngô Trọng T, sinh ngày 25/12/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

Chị N và anh T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004209 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, chị N không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Bình An